

Số: *2446* /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *16* tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình việc làm tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Bộ Luật lao động năm 2012;

Căn cứ Luật Việc làm năm 2013;

Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 03/2014/NĐ-CP ngày 16/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-TTg ngày 27/2/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 9/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2015 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Chương trình việc làm tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017 - 2020;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 375/TTr-SLĐTBXH ngày 08/8/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình việc làm tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017 - 2020 (sau đây gọi tắt là Chương trình), với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Giải quyết việc làm cho người lao động nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế và phát huy thế mạnh nguồn lực lao động vào tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển thị trường lao động lành mạnh, ổn định, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về thị trường lao động, nâng cao hiệu quả kết nối cung - cầu lao động. Tạo điều kiện cho người trong độ tuổi lao động có nhu cầu lao động đều có cơ hội tìm được việc làm, giảm tỷ lệ lao động thất nghiệp, góp phần giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2017 - 2020, số người lao động có việc làm tăng thêm đạt từ 60.000 lao động trở lên (trung bình mỗi năm số người lao động có việc làm tăng thêm đạt từ 15.000 lao động trở lên. Trong đó:

- Thông qua vay vốn giải quyết việc làm cho khoảng 6.000 lao động (trung bình mỗi năm 1.500 lao động).

- Xuất khẩu lao động cho 4.000 lao động (trung bình mỗi năm 1.000 lao động).

- Thông qua việc thu hút vào làm việc trong các cơ sở sản xuất kinh doanh, các dự án hoạt động thực hiện chính sách việc làm công, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác và tự tạo việc làm: 50.000 lao động trở lên (trung bình mỗi năm khoảng 12.500 lao động trở lên).

b) Tư vấn chính sách việc làm và học nghề để 50% số người lao động đến Trung tâm Dịch vụ việc làm của tỉnh được giới thiệu tìm việc làm và 70% trong số đó có kết nối việc làm thành công.

c) Giảm tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động xuống dưới 1,5%, trong đó khu vực thành thị xuống dưới 2%.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI

1. **Đối tượng:** Người lao động từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động và có nhu cầu làm việc; các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. **Phạm vi:** Giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh.

3. **Thời gian:** Từ năm 2017 đến năm 2020.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Hoạt động hỗ trợ vay vốn tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm.

2. Hoạt động hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

3. Hoạt động chính sách việc làm công.
4. Hoạt động hỗ trợ phát triển thị trường lao động.
5. Hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình.

IV. GIẢI PHÁP

1. Thông tin, tuyên truyền, tạo việc làm từ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh: Thông tin, tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các chính sách của tỉnh về giải quyết việc làm bằng các hình thức phù hợp nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, người dân, doanh nghiệp về lao động - việc làm; phát triển kinh tế - xã hội gắn với giải quyết việc làm; tạo việc làm, thu hút lao động vào làm việc.

2. Thực hiện các cơ chế, chính sách của Nhà nước, của tỉnh thông qua các hoạt động của Chương trình

a) Hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề gắn với tạo việc làm: Căn cứ Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020, Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020 định hướng đến năm 2030, tiếp tục triển khai các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn và thực hiện tốt công tác tư vấn, dạy nghề để chuyển đổi nghề nghiệp cho các đối tượng lao động khi kết thúc hợp đồng lao động tại các doanh nghiệp theo hướng hiệu quả, phù hợp; tập trung nhân rộng các mô hình đào tạo nghề gắn với tạo việc làm cho lao động.

b) Hoạt động hỗ trợ vay vốn tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm:

Tiếp tục khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn vay giải quyết việc làm hiện có từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm; sử dụng nguồn vốn của tỉnh cấp ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội và vốn từ các tổ chức, cá nhân về Ngân hàng chính sách để cho vay giải quyết việc làm; thực hiện lồng ghép giải quyết việc làm gắn với giảm nghèo bền vững; tiếp tục thực hiện tốt các cơ chế, chính sách hiện có nhằm ổn định, duy trì việc làm cho số lượng lao động đang có việc làm; thu hút nguồn nhân lực có chất lượng (sinh viên các trường cao đẳng, đại học tốt nghiệp ra trường) nhất là nhóm đối tượng thuộc hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ vùng dân tộc thiểu số, vùng núi đặc biệt khó khăn.

Phân bổ vốn vay theo kế hoạch tạo việc làm tăng thêm từ Quỹ quốc gia về việc làm; ưu tiên cho các huyện, thị xã, thành phố sử dụng hiệu quả trong hoạt động vay vốn, nơi có nhiều đồng bào dân tộc; những vùng có diện tích đất nông nghiệp chuyển mục đích sử dụng để phục vụ an ninh, quốc phòng, xây dựng khu công nghiệp; ưu tiên các cơ sở sản xuất, kinh doanh vay vốn tạo việc làm tăng thêm tại địa phương cho người lao động.

Cho vay ưu đãi đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh và người lao động, cho vay khởi nghiệp đối với lao động là thanh

niên; các dự án giải quyết việc làm cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, lao động bị thu hồi đất nông nghiệp, đối tượng chính sách, lao động yếu thế... theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ.

Xây dựng, duy trì và phát triển các mô hình tạo việc làm có hiệu quả từ nguồn vốn vay như: Các hợp tác xã sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, sản xuất vật liệu xây dựng; khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống; lồng ghép các chương trình tổ, nhóm giúp nhau làm kinh tế của thanh niên, phụ nữ, nông dân, cựu chiến binh và người khuyết tật...

c) Hoạt động hỗ trợ người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn, cung cấp thông tin, nâng cao nhận thức của người lao động để tham gia xuất khẩu lao động. Tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp chính quyền, đặc biệt là cấp cơ sở với doanh nghiệp trong việc tuyển lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

Tập trung khai thác và hướng người lao động tham gia vào các thị trường đòi hỏi chất lượng lao động và thu nhập cao như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức,... thông qua sự phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Lao động ngoài nước (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) và tạo điều kiện để các công ty xuất khẩu lao động có uy tín về các địa phương để tổ chức tuyên truyền và tạo nguồn, tuyển đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng; chủ động tạo nguồn lao động có chất lượng, phù hợp yêu cầu và đáp ứng kịp thời nhu cầu tuyển dụng của từng thị trường lao động. Tiếp tục thực hiện tốt công tác đưa người đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng ở các thị trường truyền thống, thị trường yêu cầu chất lượng nguồn nhân lực không cao để hỗ trợ số lao động có khó khăn về kinh tế, khó có khả năng tự tạo việc làm và đặc biệt là số lao động không thu hút được vào làm việc tại các cơ sở sản xuất kinh doanh trong nước.

Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chính sách hỗ trợ xuất khẩu lao động theo quy định của Nhà nước đặc biệt là chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ cho người lao động thuộc các đối tượng: Người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; thân nhân của người có công với cách mạng; người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp; Nghiên cứu xây dựng cơ chế hỗ trợ vay vốn của tỉnh để hỗ trợ cho nhóm đối tượng thiếu vốn hoặc không còn khả năng thu hút vào làm việc tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong nước có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài.

d) Hoạt động chính sách việc làm công: Hỗ trợ tạo việc làm cho người lao động thông qua các dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công (sử dụng lao động là người địa phương để làm các phần việc mà người địa phương thực hiện được khi triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án sử dụng vốn Nhà nước tại địa bàn cấp xã); giám sát bảo đảm việc làm và các chế độ đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

e) Hoạt động hỗ trợ phát triển thị trường lao động:

Đầu tư nâng cao năng lực, phát huy hiệu quả hoạt động của Trung tâm Dịch vụ việc làm của tỉnh, xây dựng các điểm giao dịch vệ tinh tại địa bàn các huyện, thành phố, thị xã; khuyến khích các tổ chức, cá nhân thành lập doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm theo quy định; đẩy mạnh công tác tư vấn, giới thiệu việc làm; nâng cao chất lượng, hiệu quả sàn giao dịch việc làm, các phiên giao dịch việc làm, tăng cường cung cấp thông tin về thị trường lao động cho người lao động và người sử dụng lao động, kết nối cung - cầu lao động.

Thu thập, tổng hợp, lưu trữ thông tin về lao động - việc làm, thị trường lao động theo quy định; xây dựng cơ sở dữ liệu về thị trường lao động nhằm phục vụ tốt công tác phân tích, dự báo cung - cầu lao động và hoạch định các chính sách về lao động việc làm trên địa bàn tỉnh.

g) Hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình:

Tăng cường hoạt động truyền thông thông tin thị trường lao động, các chính sách hỗ trợ, các mô hình, điển hình trong công tác giải quyết việc làm; vận động các doanh nghiệp, đơn vị trên địa bàn tỉnh tham gia thực hiện tốt công tác giải quyết việc làm, ưu tiên tiếp nhận lao động của tỉnh vào làm việc.

Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác lao động, việc làm cấp huyện, cấp xã. Hàng năm tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện các hoạt động của Chương trình.

3. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước, công tác phối hợp trong thực hiện Chương trình

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lao động - việc làm. Nghiên cứu, tổ chức triển khai việc giao chỉ tiêu, kế hoạch về giải quyết việc làm cho các các ngành, địa phương để phân đầu thực hiện.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát, xử lý sai phạm trong lĩnh vực dịch vụ việc làm, xuất khẩu lao động. Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Chương trình, kịp thời điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phù hợp đảm bảo triển khai Chương trình hiệu quả.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Chương trình: 184.275 triệu đồng,

Trong đó:

1. Ngân sách Trung ương: 101.655 triệu đồng.
2. Ngân sách địa phương: 73.590 triệu đồng.
3. Các tổ chức, doanh nghiệp: 9.030 triệu đồng.

(chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

VI. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hằng năm theo mục tiêu, nội dung và giải pháp đề ra; kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện, định kỳ báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

Phối hợp với các sở, ngành có liên quan lập dự toán kinh phí thực hiện các hoạt động đề trình thẩm định, phê duyệt thực hiện theo quy định; hướng dẫn quản lý, sử dụng, quyết toán nguồn kinh phí thực hiện Chương trình.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Cung cấp cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội số liệu lao động dự kiến làm việc trong các cơ sở sản xuất kinh doanh, số doanh nghiệp được đăng ký hàng năm.

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục Thống kê tỉnh và các ngành có liên quan dự báo nhu cầu đào tạo, giải quyết việc làm trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh hàng năm và từng thời kỳ.

Hàng năm, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu, trình UBND tỉnh giao các chỉ tiêu việc làm tăng thêm cho các đơn vị, địa phương; phối hợp kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Chương trình, bố trí nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay giải quyết việc làm.

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các ngành có liên quan theo dõi, quản lý, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Chương trình.

4. Sở Công Thương: Thực hiện các chính sách, dự án về phát triển cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thu hút lao động vào làm việc, thực hiện tốt các Chương trình khuyến công.

5. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên

Hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện chính sách tín dụng cho vay giải quyết việc làm cho người lao động, chính sách cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm và nguồn ngân sách địa phương cho người lao động; hướng dẫn vay vốn cho các đối tượng chính sách đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo dõi, quản lý, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Chương trình theo quy định.

6. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Thái Nguyên: Chỉ đạo các ngân hàng thương mại trên địa bàn thực hiện tốt hoạt động cho vay vốn phát triển kinh tế xã hội, giải quyết việc làm theo quy định.

7. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh: Cung cấp thông tin về nhu cầu lao động của các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp. Vận động các doanh nghiệp ưu tiên tuyển dụng lao động là người địa phương, tuyên truyền chính sách pháp luật lao động và thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lao động theo thẩm quyền.

8. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Thái Nguyên: Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về lĩnh vực lao động - việc làm; tổ chức tuyên truyền, đưa tin, bài, ảnh; nhân rộng các điển hình tiên tiến, mô hình mới, cách làm hay hiệu quả góp phần thực hiện tốt Chương trình.

9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các sở, ngành, đơn vị liên quan: Căn cứ chức năng nhiệm vụ của đơn vị, xây dựng kế hoạch và thực hiện mục tiêu giải quyết việc làm thông qua các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến ngành, đơn vị trong giai đoạn 2017 - 2020.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp các cấp

Phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và toàn dân tích cực tham gia thực hiện Chương trình; giám sát việc thực hiện Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ và theo quy định của pháp luật.

Chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp của hội, đoàn thể có chức năng về đào tạo nghề, giới thiệu việc làm tổ chức thực hiện tốt việc đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho hội viên, đoàn viên và người lao động.

Các hội, đoàn thể được Ngân hàng Chính sách xã hội ủy thác cho vay có trách nhiệm làm tốt công tác kiểm tra, thẩm định và quản lý nguồn vốn vay, thu hồi nợ gốc, lãi đúng quy định.

11. UBND các huyện, thành phố, thị xã

Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện chương trình việc làm trên địa bàn đến năm 2020 phù hợp với mục tiêu Chương trình việc làm của tỉnh.

Theo phạm vi, thẩm quyền, tổ chức thực hiện các hoạt động của Chương trình; hằng năm trước ngày 15 tháng 12 báo cáo định kỳ tình hình, kết quả triển khai thực hiện Chương trình về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

12. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh

Tổ chức khảo sát nhu cầu đào tạo, xây dựng kế hoạch đào tạo nghề theo yêu cầu của thị trường lao động, đào tạo nghề theo địa chỉ sử dụng, tăng cường hoạt động hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho người lao động sau khi được đào tạo nghề theo quy định.

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Chương trình.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, TH.

Vanh8/2017-QĐ59(60b)



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trịnh Việt Hùng

PHỤ LỤC
NEHU CẢM ƠN ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VIỆC LÀM TỈNH THÁI NGUYÊN
GIAI ĐOẠN 2017 - 2020

(Kèm theo Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Hoạt động của Chương trình	Giai đoạn 2017 - 2020	Dự nợ vốn vay giải quyết việc làm của giai đoạn trước chuyển sang	Năm			
				2017	2018	2019	2020
1	Hỗ trợ vay vốn tạo việc làm (Thông qua Quỹ quốc gia giải quyết việc làm)	159 675	91 675	17 000	17 000	17 000	17 000
	<i>Ngân sách Trung ương</i>	88 655	68 655	5 000	5 000	5 000	5 000
	<i>Ngân sách địa phương (ủy thác qua Ngân hàng CSXH)</i>	61 990	21 990	10 000	10 000	10 000	10 000
	<i>Từ các tổ chức, doanh nghiệp ủy thác</i>	9 030	1 030	2 000	2 000	2 000	2 000
2	Kinh phí Trung ương hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (*)	5 000		1 250	1 250	1 250	1 250
3	Hỗ trợ phát triển thị trường lao động	19 200		4 300	4 300	5 300	5 300
3.1	Đầu tư nâng cao năng lực Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh	10 000		2 000	2 000	3 000	3 000
	<i>Ngân sách Trung ương</i>	8 000		1 500	1 500	2 500	2 500
	<i>Ngân sách địa phương</i>	2 000		500	500	500	500
3.2	Kinh phí địa phương hỗ trợ thu thập thông tin thị trường lao động	8 000		2 000	2 000	2 000	2 000
3.3	Kinh phí địa phương hỗ trợ tổ chức sàn giao dịch việc làm, phiên chợ việc làm	1 200		300	300	300	300
4	Kinh phí địa phương hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình	400		100	100	100	100

TT	Hoạt động của Chương trình	Giai đoạn 2017 - 2020	Dự nợ vốn vay giải quyết việc làm của giai đoạn trước chuyển sang	Năm			
				2017	2018	2019	2020
Tổng kinh phí		184 275	91 675	22 650	22 650	23 650	23 650
A	Ngân sách Trung ương	101 655	68 655	7 750	7 750	8 750	8 750
B	Ngân sách địa phương	73 590	21 990	12 900	12 900	12 900	12 900
C	Từ các tổ chức, doanh nghiệp	9 030	1 030	2 000	2 000	2 000	2 000

(*). Hoạt động hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Đối tượng chính sách được hỗ trợ theo quy định tại NĐ61/2015/NĐ-CP: Dự kiến khoảng 1.000 người

- Kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho người lao động (mức hỗ trợ bình quân là 5 Tr.đồng/người): 1.000 người x 5 Tr.đồng/người = 5.000 Tr.đồng.